

Số: 105/2016/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
(Kỳ họp HĐQT Quý IV/2016)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Quốc hội XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được bổ sung sửa đổi ngày 28/4/2016;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 11/10/2016 đã được các thành viên dự họp nhất trí thông qua,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 thống nhất thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua báo cáo thực hiện SXKD quý III, 9 tháng đầu năm 2016

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD quý III năm 2016

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD quý III	Thực hiện quý III	Tỷ lệ % HT
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	336.821	125.041	37
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	315.859	94.074	30
2	Giá trị SX công nghiệp	“	12.061	14.691	121
3	Giá trị kinh doanh khác	“	8.900	16.274	182
II	Các chỉ tiêu tài chính	“			
1	Doanh số	“	432.625	158.321	37
2	Doanh thu	“	393.296	143.928	37
3	Tiền về tài khoản	“	410.994	150.689	37
4	Nộp Nhà nước	“	16.334	7.787	48
5	Lợi nhuận				
	Lợi nhuận trước thuế	“	12.680	7.350	58
	Lợi nhuận sau thuế	“	10.144	5.880	58
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	3,2	5,1	158
-	LN sau thuế/ VCSH	%	1,6	1,0	58
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,7	0,4	64
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	619.175	615.218	99
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.342	342.340	100
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.509.387	1.376.960	91
10	Hệ số nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,44	1,24	86

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD quý III	Thực hiện quý III	Tỷ lệ % HT
11	Thu nhập bq/1CBCNV/tháng	10 ⁶ đ	7.794	7.782	100
III	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	55.948	20.207	36

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu 9 tháng đầu năm 2016

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD Năm 2016	Thực hiện 9 tháng	Tỷ lệ % HTK HN
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	1.120.000	406.132	36
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	1.026.000	322.562	31
2	Giá trị SX công nghiệp	"	44.000	34.678	79
3	Giá trị kinh doanh khác	"	50.000	48.891	98
II	Các chỉ tiêu tài chính	"			
1	Doanh số	"	1.150.000	376.187	33
2	Doanh thu	"	1.046.400	346.538	33
3	Tiền về tài khoản	"	1.140.000	376.106	33
4	Nộp Nhà nước	"	52.900	17.386	33
5	Lợi nhuận	"			
	Lợi nhuận trước thuế	"	70.000	24.371	35
	Lợi nhuận sau thuế	"	56.000	21.585	39
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	6,7	7,0	105
-	LN sau thuế/ VCSH	%	8,6	3,6	41
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	3,4	1,6	46
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	650.287	615.218	95
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.342	342.340	100
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.623.300	1.376.960	85
10	Hệ số nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,5	1,24	83
11	Thu nhập bq/1CBCNV/tháng	10 ⁶ đ	7.880	7.706	98
III	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	276.334	37.865	14

Nguyên nhân kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm của Công ty đạt thấp: Nguyên nhân chính là do các công trình của đơn vị hầu hết đi vào giai đoạn hoàn thành, các công trình mới mở ra như thủy điện Nậm Theun, PaKe... còn vướng một số các thủ tục chưa giải quyết được triệt để nên ảnh hưởng đến kết quả SXKD chung của đơn vị. Do vậy, kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2016 quyết định cho việc hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016 của đơn vị.

II. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2016 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2017:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chính:

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD QUÝ IV/2016	KHSXKD Năm 2017
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	373.914	926.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	360.155	874.617
2	Giá trị SX công nghiệp	"	10.659	44.382
3	Giá trị kinh doanh khác	"	3.100	7.000
II	Các chỉ tiêu tài chính	"		
1	Doanh số	"	428.461	918.000
2	Doanh thu	"	389.510	835.519
3	Tiền về tài khoản	"	355.218	734.400
4	Nộp Nhà nước	"	18.593	39.144
5	Lợi nhuận			
	Lợi nhuận trước thuế	"	24.539	50.000
	Lợi nhuận sau thuế	"	19.631	40.000
6	Tỷ suất lợi nhuận			
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	6,3	6,0
-	LN sau thuế/ VCSH	%	3,1	6,3
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,4	2,1
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	634.849	638.417
8	Vốn điều lệ công ty mẹ	10 ⁶ đ	342.340	342.340
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.431.424	1.890.044
10	Hệ số nợ phải trả/VCSH	Lần	1,25	1,96
11	Thu nhập bq 1CBCNV/tháng	10 ³ đ	7.790	7.782
III	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	90.062	379.466
1	Đầu tư mở rộng SXKD		53.728	314.982
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công		36.334	64.484

Hội đồng quản trị dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 để trình Tổng công ty Sông Đà (công ty Mẹ) và báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.

2. Mục tiêu tiến độ chính trên các công trường quý IV/2016

2.1. Thủy điện Đăkmi II: Hoàn thành các công việc còn lại của gói 18, 23 trước 30/10/2016; gói Đăkmi 24: Hoàn thành trước 15/11/2016, KL đào đất đá: 72.089,0m³, đắp đất đá: 11.598,0m³; hạng mục giếng đứng: Hoàn thành trước 31/12/2016, KL đào đất đá: 106.000m³, trồng cỏ 6.000m².

2.2. Thủy điện Nậm Nghiệp I: Đổ bê tông RCC đập chính đến CĐ 206,8m/CĐTK: KL 350.000m³

2.3. Thủy điện Nậm Thuen I: Hoàn thành đường thi công trước 31/12/2016, KL đào đất đá: 174.596m³, đá 85.137m³; đào hố móng vai trái: KL đào đất đá:

189.500m³; xúc đá nổ mìn 127.000m³; đào đất, đá HM nhà máy đến 31/12/2016, KL 145.200m³; xúc đá NM 103.000m³; hoàn thành đào đất, đá CNN đến 31/12/2016, KL 74.800m³; xúc đá NM 94.000m³; hoàn thành san nền trạm trộn RCC trước 31/12/2016, KL 289.900m³.

2.4. Thủy điện PaKe: Hoàn thành công tác đào, đắp hệ thống đường thi công trong tháng 10/2016, KL đào đất, đá: 22.000m³, đắp đất đá: 618m³; thi công đê quây dọc và hoàn thành trước 15/10/2016, KL đào 9.300 m³, đắp 22.700m³; cống dẫn dòng: Hoàn thành đào hố móng trước ngày 30/10/2016, KL đào đất đá 40.000m³, hoàn thành công tác BT 5.300m³ và lắp đặt thiết bị xong trước 31/12/2016; triển khai thi công đào và gia cố đập dâng bờ trái đến CĐ 228m, bờ phải đến CĐ 232m trước 30/10/2016. Cơ bản hoàn thành công tác đào hố móng đập xong trong quý IV/2016, KL đào đất đá: 85.000m³, gia cố mái: 47.375m².

2.4.1. Thủ tục pháp lý: Điều chỉnh và thỏa thuận xong phương án đấu nối DZ110kV; Bộ Công thương phê duyệt TKCS trong tháng 10/2016; thẩm tra, thẩm định và phê duyệt TKKT trong tháng 11/2016;

2.4.2. Công tác lựa chọn nhà thầu: Hoàn thành lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng các gói thầu: Tư vấn mô tả địa chất, tư vấn giám sát; hiệu chỉnh, thỏa thuận và lập phương án đấu nối; thiết kế và cung cấp lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc (SCADA); cung cấp các thiết bị cơ khí của cống dẫn dòng. Tiến hành tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu: Lắp đặt thiết bị quan trắc; Khảo sát, TKKT-BVTC đường dây 110kV; cung cấp, vận chuyển, lắp đặt thiết bị đập tràn, thiết bị cửa nhận nước, thiết bị đường ống áp lực;

2.4.3. Công tác bồi thường, GPMB: Tiến hành GPMB bổ sung phần hạ lưu bờ phải trên cao trình +255m và thượng lưu bờ trái để làm bãi đỗ thải; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng GPMB và UBND huyện Si Ma Cai để ra quyết định thu hồi đất đợt 2 (khu vực đầu mối) phạm vi tỉnh Lào Cai; triển khai công tác GPMB vùng lòng hồ phía xã Pả Vây Sủ (huyện Xín Mần) và xã Lùng Sui (huyện Bắc Hà).

2.4.4. Khảo sát & lập TKKT-BVTC: Công tác khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn TKKT: Hoàn thành báo cáo khảo sát trong tháng 10/2016; công tác TKKT-BVTC: xuất bản các thiết kế trong tháng 10/2016: Hố móng và gia cố vai phải; BVTC tường thượng lưu - Cống dẫn dòng; BVTC đê quây dọc; BVTC hệ thống cấp nước; BVTC nhà QL VH; xuất bản BVTC khu lán trại nhà thầu; Xuất bản BVTC trạm nghiền, trạm trộn; lập TK BVTC giai đoạn 2 (đập chính, đập tràn)

2.5. Thủy điện Xekaman 1 – Đường VHI: Hoàn thành các khối lượng công việc còn lại trước ngày 20/11/2016, KLTH: đào đất đá: 2.442m³; bê tông các loại: 1.176m³, xây đá hộc: 400m³.

2.6. Thủy điện Nậm Chiến: Hoàn thành xúc cuội sỏi thanh thải suối Chiến và

xúc đá hỗn hợp giảm tải bãi thải hạ lưu nhà máy trước 30/11/2016, KL 98.700m³

3. Các giải pháp để hoàn thành:

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu, thị trường:

- Lựa chọn cán bộ và kiện toàn nhân sự phòng Dự án đấu thầu đảm bảo đủ năng lực lập hồ sơ dự án và hồ sơ đấu thầu theo yêu cầu trong nước và Quốc tế.
- Thực hiện kế hoạch phát triển thị trường: Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài; đấu thầu và làm tổng thầu các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước và nước ngoài; thi công mở rộng ngành nghề như xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng công trình; thi công các công trình đường giao thông với tính chất nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ phù hợp với năng lực của đơn vị hoặc liên danh; đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài như WB, JK, ODA...; đấu thầu các dự án thủy lợi của Bộ NNPT Nông thôn hoặc các tỉnh.

3.2. Công tác tổ chức sản xuất.

- Xây dựng mô hình khoán đội áp dụng cho gói thầu đơn lẻ và những hạng mục công trình với giá trị tương thích để hạch toán độc lập.
- Triển khai sắp xếp lại bộ máy tổ chức sản xuất của các đơn vị trực thuộc phù hợp với tình hình nhiệm vụ SXKD của Công ty theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp; Mở các lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ, các lớp đào tạo để đảm bảo nhu cầu SXKD của đơn vị.

3.3. Công tác cơ giới - vật tư

- Kiểm tra, giám sát công tác bảo quản bảo dưỡng xe, máy. Phân loại, tổ chức sửa chữa xe máy thiết bị có khả năng sử dụng hiệu quả để chuẩn bị tốt cho công tác sản xuất.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán nhiên liệu, việc sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị theo định kỳ tháng, quý, năm đồng thời đưa ứng dụng phần mềm để quản lý cơ giới vật tư.
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và lập kế hoạch dự trữ vật tư trên cơ sở tổng hợp số liệu cập nhật 3 năm gần nhất cho từng loại công trình để lập kế hoạch vật tư phụ tùng cho sát với thực tế, tránh việc giá trị tồn kho lớn.
- Cơ cấu lại sơ đồ bố trí máy và tỷ lệ các loại thiết bị đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề (các thiết bị đáp ứng ngành xây dựng giao thông, thủy lợi được liên kết để sử dụng phù hợp từ các đối tác chiến lược).

3.4. Công tác kỹ thuật công nghệ, an toàn.

- Giải quyết các vướng mắc với Chủ đầu tư về thiết kế, biện pháp thi công; đơn đốc cung cấp thiết kế kịp thời các công trình.
- Tập trung lực lượng làm công tác quyết toán, bàn giao các công trình đã thi công xong; Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công; Tuyển dụng hoặc đào tạo tổ giám đốc an toàn các công trình theo mô hình hợp đồng tổng thầu EPC với Chủ đầu tư nước ngoài.
- Áp dụng triệt để mô hình quản lý tiến độ, khối lượng và mô phỏng về hiện trạng thi công các công trình trên cơ sở ứng dụng các phần mềm quản lý dự án Primavera, Project. Áp dụng việc quản lý trực tuyến các công trình do Công ty đầu tư.

3.5. Công tác kinh tế- chiến lược.

- Áp dụng phương pháp phân tích và quản lý công trình đối với các gói thầu thi công theo mô hình khoán quản; Phân loại tổ hợp thiết bị theo mức và giá trị khấu hao để áp dụng vào việc lập đơn giá đấu thầu phù hợp.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát, điều chỉnh định mức nội bộ của Công ty.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại công trình thi công; tập trung cho công tác quyết toán các công trình đã thi công xong.
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn và quy trình trong công tác thương thảo, đàm phán, ký kết hợp đồng kinh tế và hướng dẫn, đào tạo cho cán bộ chuyên ngành.

3.6. Công tác tài chính, tín dụng.

- Phân tích đánh giá đúng hoạt động kinh tế của các đơn vị.
- Tập trung thu hồi vốn và công nợ, giải quyết dứt điểm các công trình đồng thời đơn đốc thu hồi tạm ứng cá nhân đã đến hạn và quá hạn để tập trung nguồn vốn trả nợ Ngân hàng, khách hàng và thực hiện chế độ cho người lao động.
- Cân đối, thu xếp đủ vốn và kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Cân đối trả nợ kịp thời các khoản nợ của các tổ chức tín dụng.
- Thực hiện công tác thoái vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.

3.7. Công tác đầu tư.

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng dự án thủy điện PaKe đúng tiến độ kế hoạch, thực hiện tốt một số nội dung công việc cụ thể sau: Hoàn thành sớm công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn, xây lắp, thiết bị; Tăng cường nhân lực, thiết bị, tăng ca kíp thi công để đảm bảo mục tiêu tiến độ; Phân công cụ thể các nhân sự phụ trách từng lĩnh vực để kịp thời xử lý, tháo

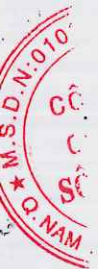
gỡ vướng mắc trong công tác thủ tục pháp lý, trình duyệt cũng như thi công xây lắp trên công trường; Quản lý hợp đồng khoa học chặt chẽ, giám sát để đảm bảo đúng và đủ năng lực của các nhà thầu từ khi đấu thầu, đàm phán hợp đồng đến khi triển khai công việc; Phê duyệt kịp thời đơn giá công trình để làm cơ sở thanh toán.

3.8. Công tác Pháp chế và quản trị rủi ro:

- Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro; Không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro trong hoạt động SXKD.
- Rà soát hoàn thiện và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; Tổ chức nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, quản lý và cập nhật hệ thống văn bản quy chế của đơn vị. Cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành để kịp thời thông báo tới công ty và các đơn vị trực thuộc.

III. Nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị công ty quý IV năm 2016.

1. Tập trung chỉ đạo và đôn đốc công ty đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư Pa Ke nhằm đảm bảo khả năng tối đa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016.
2. Kiểm soát tình hình tài chính dở dang công nợ của công ty và đánh giá tình hình thực hiện đầu tư của Công ty.
3. Chỉ đạo quyết liệt công tác tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Sông Đà 9. Chỉ đạo người đại diện vốn của Công ty tại Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu xong công tác định giá tài sản tại Công ty CP Sông Đà Tây Đô để thoái vốn, bán đấu giá tài sản thu hồi vốn đầu tư.
4. Quy hoạch công tác cán bộ, các chức danh chủ chốt, đào tạo, đào tạo lại cán bộ, tăng cường cán bộ lãnh đạo chỉ đạo tại các công trình trọng điểm.
5. Chỉ đạo kiểm tra giám sát công tác đầu tư và sửa chữa xe máy thiết bị, tình hình sử dụng vật tư, xe máy thiết bị toàn công ty.
6. Thành lập Ban chỉ đạo công trình thủy điện PaKe để đẩy nhanh thực hiện dự án.
7. Chỉ đạo công ty xây dựng phương án các mô hình quản lý linh hoạt, hiệu quả trong việc triển khai dự án, xây dựng chiến lược tiếp thị đấu thầu và quản lý dự án.
8. Triển khai ứng dụng CNTT trong giao ban trực tuyến điem từ Công ty đến thủy điện Nậm Thuen, thủy điện Pa Ke để tiết kiệm thời gian hội họp, đi lại, tập trung thời gian chỉ đạo sản xuất. Đẩy mạnh sử dụng phần mềm quản lý cơ giới, áp dụng tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 quản lý sức khỏe và an toàn. Đăng ký phù hiệu vận tải Sông Đà 9; triển khai sử dụng nhãn hiệu thương hiệu Sông Đà mới.




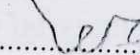
9. Chỉ đạo các đơn vị tập trung tuyển dụng nhân lực phục vụ SXKD quý IV, đặc biệt lực lượng lái xe;
10. Xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư năm 2017.
11. Chỉ đạo các Phòng/ Ban giải trình để Tổng công ty thông qua tổng mức đầu tư hiệu chỉnh thủy điện Nậm Khánh về quyết toán các công trình đã thi công xong theo kế hoạch hoàn thành trong năm 2016.
12. Tập trung thu hồi vốn, thu hồi công nợ, yêu cầu trong quý IV giảm 20% công nợ cá nhân.
13. Giải ngân đầu tư thủy điện PaKe, huy động các nguồn vốn, nguồn lực để đảm bảo sản xuất và lành mạnh hóa tài chính của Công ty.

Điều 2. Hội đồng quản trị công ty giao cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

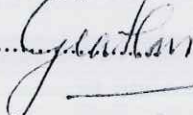
Điều 3. Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày ký, Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 9, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng ban Công ty theo thẩm quyền căn cứ quyết nghị thực hiện.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

Ông: *Trần Thế Quang*..... 

Ông: *Lê Công Tinh*..... 

Ông: *Nguyễn Văn Đại*.....

Ông: *Nguyễn Gia Hân*..... 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Cường